

Số: /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với
Điểm trạm Y tế Hợp Thành, Trạm Y tế xã Quang Trung
(thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 10/06/2025 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 610/QĐ-SYT ngày 07/05/2025 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y được tư nhân, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Điểm trạm Y tế Hợp Thành, Trạm Y tế xã Quang Trung (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên);

- Địa chỉ: Thôn 22, xã Quang Trung, Thành Phố Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng;

- Hình thức tổ chức: Trạm Y tế.

- Số GPMD: 000876/HP-GPMD do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Bùi Văn Dung

Số CCHN: 007670/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 11/03/2015;

- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 46 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).

- Danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở (*chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

Điểm trạm Y tế Hợp Thành, Trạm Y tế xã Quang Trung (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Nghiệp vụ Y, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế thành phố Thủy Nguyên và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Điểm trạm Y tế Hợp Thành, Trạm Y tế xã Quang Trung (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- GD và PGD Trần Quốc Trinh;

- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);

- Lưu: VT, QLHN (02).

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

**PHỤ LỤC 01: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI ĐIỂM TRẠM Y TẾ HỢP THÀNH, TRẠM Y TẾ XÃ QUANG
TRUNG (THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế
Hải Phòng)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
2	158	1.158	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
3	160	1.160	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
4	215	1.215	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
5	218	1.218	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Rửa dạ dày cấp cứu
6	223	1.223	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông hậu môn
7	269	1.269	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
8	270	1.270	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
9	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
10	276	1.276	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
11	277	1.277	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
12	252	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
13	403	2.1	02. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
14	413	2.11	02. NỘI KHOA	Chọc hút khí màng phổi
15	645	2.243	02. NỘI KHOA	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
16	741	2.339	02. NỘI KHOA	Thụt tháo phân
17	1226	3.105	03. NHI KHOA	Thổi ngạt

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
18	1233	3.112	03. NHI KHOA	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
19	3505	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da
20	3506	3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da
21	3507	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
22	3363	3.2245	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
23	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
24	5937	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
25	5941	8.6	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm
26	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
27	5945	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lễ
28	5961	8.26	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Bó thuốc
29	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
30	13358	13.33	13. PHỤ SẢN	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
31	13359	13.34	13. PHỤ SẢN	Cắt và khâu tầng sinh môn
32	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
33	13365	13.40	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
34	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
35	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai
36	13803	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc
37	13810	14.207	14. MẮT	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
38	13863	14.260	14. MẮT	Đo thị lực

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
39	13968	15.56	15. TAI MŨI HỌNG	Chọc hút dịch vành tai
40	13969	15.57	15. TAI MŨI HỌNG	Trích nhọt ống tai ngoài
41	14134	15.222	15. TAI MŨI HỌNG	Khí dung mũi họng
42	14213	15.301	15. TAI MŨI HỌNG	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
43	14216	15.304	15. TAI MŨI HỌNG	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
44	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
45	14783	17.53	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động có trợ giúp
46	16301	21.13	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Nghiệm pháp dây thắt

**PHỤ LỤC 02: PHÊ DUYỆT DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KHÁM
BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI ĐIỂM TRẠM Y TẾ HỢP THÀNH, TRẠM Y TẾ XÃ
QUANG TRUNG (THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THỦY
NGUYÊN)**

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
1	Bùi Văn Dung	007670/HP- CCHN	KB, CB tại Trạm Y tế KB, CB Nội khoa	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Trạm phó, bác sỹ, Người chịu trách nhiệm chuyên môn		
2	Nguyễn Thị Chung	007418/HP- CCHN	Theo TT 12/2011/TT- BYT ngày 15/03/2011 của BYT ngành hộ sinh	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Nữ hộ sinh		
3	Doãn Thị Hà	006500/HP- CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/04/2005 của BNV ngành điều dưỡng	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		
4	Vũ Thị Hương Giang	006435/HP- CCHN	Theo QĐ tại thông tư số 26/2015/TTLT -BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		
5	Nguyễn Thị Quỳnh	012951/HP- CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh chữa bệnh thông thường theo quy định tại TT liên tịch số	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ		

			10/2015/TTLT -BYT-BNV ngày 27/5/2015 của BYT, BNV quy định mã số tiêu chuẩn, chức danh, nghề nghiệp, bác sỹ, bác sỹ dự phòng, y sỹ.				
--	--	--	--	--	--	--	--